Người ký: Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Email: vanphongbo@mpi.gov.vn
Cơ quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Thời gian ký: 15.08.2020 14:20:17 +07:00

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5311 /BKHĐT-TH V/v đề nghị thẩm định dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025	*Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020*

HỎA TỐC
Đến trước.....ngày.....

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 5082/VPCP-KTTH ngày 24 tháng 6 năm 2020 và văn bản số 6125/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cho phép xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) giai đoạn 2021-2025 theo thủ tục, trình tự rút gọn, trên cơ sở ý kiến của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương vào Dự thảo Quyết định tại các văn bản xin ý kiến số: 7451/BKHĐT-TH ngày 10 tháng 10 năm 2019 và 4921/BKHĐT-TH ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu, hoàn chỉnh vào dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin gửi Quý Bộ hồ sơ Dự thảo Quyết định nêu trên để thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định, gồm:

1. Dự thảo Tờ trình Chính phủ về Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025.

2. Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025.

3. Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia về Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

4. Văn bản tham gia ý kiến của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có liên quan.

Đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 20 tháng 8 năm 2020** để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c TTg);
- Lưu VT, Vụ TH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Phương

(Dự thảo Tờ trình kèm theo Công văn số 5311/BKHĐT-TH ngày 14 tháng 8 năm 2020)

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /TTr-BKHĐT	*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025

Dự thảo

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 5082/VPCP-KTTH ngày 24 tháng 6 năm 2020 và văn bản số 6125/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 7 năm 2020, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại văn bản số....., Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) giai đoạn 2021-2025 với các nội dung như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

a) Theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm *"1. Quy định chi tiết định mức phân bổ đối với từng tiêu chí, các mốc thời gian, cơ quan cung cấp số liệu làm căn cứ để xác định vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương trong giai đoạn 2021-2025; xác định tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương so với vốn đầu tư công năm 2021; 2. Quy định chi tiết việc thực hiện Nghị quyết này".*

b) Tại văn bản số 5082/VPCP-KTTH ngày 24 tháng 6 năm 2020 và văn bản số 6125/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 7 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cho phép xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 theo trình tự, thủ tục rút gọn.

2. Căn cứ thực tiễn

Thực hiện Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 và Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020. Sau gần 05 năm, việc thực hiện Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg đã đạt được những kết quả tích cực, đáng chú ý là:

- Tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ và hoàn chỉnh để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phân bổ và sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư theo đúng mục tiêu, định hướng của chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; chống thất thoát, lãng phí; bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý đầu tư công.

- Việc áp dụng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020 đã góp phần thúc đẩy cơ cấu lại đầu tư và cơ cấu lại các ngành, vùng lãnh thổ; cơ bản bảo đảm tương quan hợp lý giữa phát triển kinh tế - xã hội và an sinh xã hội, giữa các ngành, lĩnh vực, các địa phương, vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn khác.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc thực hiện Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg cũng còn một số hạn chế. Cụ thể:

Thứ nhất: Việc phân loại ngành, lĩnh vực đầu tư tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg gồm 20 ngành, lĩnh vực và 21 chương trình mục tiêu nhưng vẫn chưa cụ thể hóa hết các nội dung của từng lĩnh vực. Số lượng chương trình mục tiêu quá nhiều tạo áp lực cân đối NSNN. Vốn cân đối NSNN trong giai đoạn 2016-2020 chỉ đáp ứng được khoảng 53% nhu cầu vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương (NSTW) cho các dự án thuộc 21 chương trình mục tiêu được Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2016, một số chương trình như Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin, Chương trình mục tiêu xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích bố trí vốn rất thấp.

Thứ hai: Việc lựa chọn danh mục dự án đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn chưa khoa học. Trong Quyết định cũng như các văn bản hướng dẫn đã đưa ra tiêu chí cho việc rà soát lựa chọn danh mục dự án đầu tư ưu tiên thực hiện trong giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên, khi lựa chọn các dự án đầu tư khởi công mới để đưa vào kế hoạch, các cấp, các ngành gặp khó khăn do chưa có phương pháp mang tính khoa học để đánh giá, so sánh mức độ cần thiết, tính hiệu quả giữa các dự án và khả năng triển khai của từng dự án nên việc lựa

chọn dự án chưa thực sự tối ưu. Còn nhiều dự án chưa được bố trí đủ vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nhưng các bộ, cơ quan trung ương và địa phương vẫn chưa tiến hành việc rà soát, cắt giảm, điều chỉnh, phân kỳ đầu tư hoặc bổ sung nguồn vốn khác để thực hiện dự án.

Thứ ba: Phân bổ tổng nguồn đầu tư phát triển của cả nước đặc biệt là nguồn NSTW trong 5 năm cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chưa theo thông lệ quốc tế, chưa xác định nhu cầu bố trí vốn cho các dự án còn thiếu vốn và cho các dự án mới. Nhu cầu bố trí vốn cho các dự án còn thiếu vốn là số vốn kế hoạch đầu tư trung hạn còn thiếu của các dự án thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025; thu hồi vốn ứng trước của các dự án đầu tư công được cấp có thẩm quyền quyết định hoãn thu hồi trong giai đoạn 2016-2020. Việc phân bổ vốn trên cơ sở nêu trên đảm bảo việc phân bổ theo đúng thứ tự ưu tiên về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương quy định tại Nghị quyết 973/2020/UBTVQH14, khắc phục tình trạng phân bổ vốn dàn trải, phân tán trước đây.

Thứ tư: Việc không quy định nguyên tắc bố trí vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài dẫn tới lúng túng trong thực hiện, nhiều dự án ký Hiệp định với các nhà tài trợ nước ngoài sau thời điểm Quốc hội phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 không còn nguồn để bố trí, ảnh hưởng đến uy tín của Chính phủ Việt Nam với nhà tài trợ nước ngoài, làm tăng chi phí vay.

Thứ năm: Việc xác định vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (NSĐP) năm 2016 theo các tiêu chí về dân số, trình độ phát triển, diện tích, đơn vị hành chính cấp huyện, tiêu chí bổ sung, sau đó các năm 2017-2019, mỗi năm tăng 10% là không phù hợp với tình hình thu, chi thực tế của địa phương, tốc độ tăng thu NSĐP từng năm, dẫn tới nhiều địa phương có lũy kế bố trí kế hoạch đầu tư vốn cân đối NSĐP đến năm 2018 vượt kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối NSĐP đã được cấp có thẩm quyền giao. Để xử lý vấn đề này, tại Nghị quyết số 71/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, Quốc hội đã quyết nghị *"Đối với vốn cân đối NSĐP: cho phép các địa phương được giao kế hoạch đầu tư công hằng năm nguồn vốn trong cân đối NSĐP trên cơ sở khả năng thu thực tế, bảo đảm không tăng mức bội chi của NSĐP hằng năm, triển khai tổng kết vào cuối kỳ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020. Giao Hội đồng nhân dân các cấp quyết định phân bổ vốn dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn NSĐP của cấp mình bảo đảm các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 26/2016/QH14 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020".*

Như vậy, việc ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025 là cần thiết, phù hợp với căn cứ pháp lý và tình hình thực tiễn, đáp ứng được đòi hỏi khách quan của công tác lập kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thành lập Tổ biên tập Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg; xây dựng Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và gửi xin ý kiến các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có liên quan tại các văn bản lấy ý kiến số: 7451/BKHĐT-TH ngày 10 tháng 10 năm 2019 và 4921/BKHĐT-TH ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp tục bổ sung, chỉnh lý các dự thảo nêu trên và gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích

Việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025 là căn cứ cho việc lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, bảo đảm việc phân bổ vốn đúng mục tiêu, tránh đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư từ nguồn vốn NSNN; nâng cao tính công khai, minh bạch trong quản lý, phân bổ và sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN, góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, tạo động lực cho phát triển kinh tế.

2. Quan điểm xây dựng

Việc xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025 dựa trên những quan điểm cơ bản sau:

a) Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công và Luật NSNN.

b) Thực hiện theo đúng quy định của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

c) Việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn phải nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng tại Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương, Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, Chiến lược phát triển ngành; quy hoạch cấp quốc gia, các quy hoạch vùng, tỉnh, ngành được phê duyệt.

d) Nâng cao hiệu quả đầu tư từ nguồn NSNN, chống đầu tư dàn trải, thất thoát và đảm bảo tính công khai, minh bạch, góp phần tích cực vào công tác cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

đ) Kế thừa các ưu điểm, kết quả đạt được, khắc phục các hạn chế trong quá trình thực hiện Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN cho giai đoạn 2021-2025.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA QUYẾT ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với:

a) Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Luật Đầu tư công.

b) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

3. Bố cục và dự thảo Quyết định

Dự thảo Quyết định gồm 05 Điều và quy định 08 Mục cụ thể ban hành kèm theo Quyết định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

- Mục I: Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

- Mục II: Nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

- Mục III: Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương.

- Mục IV: Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương cho bộ, cơ quan trung ương.

- Mục V: Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương.

- Mục VI: Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các chương trình mục tiêu quốc gia

- Mục VII: Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương.

- Mục VIII: Điều khoản chuyển tiếp.

- Phụ lục.

V. NỘI DUNG QUY ĐỊNH TẠI DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Để đảm bảo tính toàn diện, nhất quán, dự thảo Quyết định đã chi tiết đầy đủ nội dung quy định tại các Điều, khoản của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020 và quy định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Phân loại ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư nguồn NSNN

a) Mục tiêu của chính sách: Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Đầu tư công, thống nhất quy định về phân ngành lĩnh vực với Luật NSNN, đảm bảo theo đúng quy định của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.

b) Nội dung của chính sách

Quy định đối tượng, nội dung chi đầu tư vốn NSNN phân loại theo 13 ngành, lĩnh vực theo đúng quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

Để thực hiện chính sách nêu trên, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phải rà soát các dự án đã triển khai trong giai đoạn 2016-2020, đưa các dự án vào 13 ngành, lĩnh vực mới cho phù hợp, tổng hợp các dự án mới.

2. Quy định các nguyên tắc chung phân bổ vốn

a) *Mục tiêu của chính sách*: Bảo đảm bố trí vốn tập trung, hiệu quả trong giai đoạn 2021-2025, đồng thời tạo sự chủ động, linh hoạt trong triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

b) Nội dung của chính sách: Nội dung này quy định lại các nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14. Bên cạnh đó, bổ sung thêm quy định để làm rõ việc bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và hoàn trả vốn ứng trước, cụ thể như sau:

Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương nếu vẫn còn nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày ngày 01 tháng 01 năm 2015 và số vốn ứng trước chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch trung hạn giai đoạn trước, phải bố trí đủ vốn kế hoạch đầu tư trung hạn trong từng ngành, lĩnh vực để thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi dứt điểm các khoản ứng trước; phần còn lại bố trí theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 2 Mục II quy định kèm theo dự thảo Quyết định.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

Các nguyên tắc chung này phải được rà soát kỹ, đảm bảo tính đầy đủ, minh bạch, góp phần nâng cao hiệu quả phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN.

3. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSTW

a) Mục tiêu của chính sách: Bảo đảm tương quan hợp lý về cơ cấu phân bổ vốn đầu tư giữa các bộ, cơ quan trung ương và giữa các ngành, lĩnh vực; vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho địa phương; vốn để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể bao gồm: chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước.

b) Nội dung của chính sách

Quy định về các nguyên tắc cụ thể phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSTW theo đúng quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14, ngoài ra quy định rõ tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSTW đối với vốn trong nước và vốn nước ngoài, cụ thể như sau:

- Đối với vốn trong nước:

+ Dành tối đa không quá 30% để bổ sung có mục tiêu cho địa phương và được phân bổ theo ngành, lĩnh vực, không bao gồm vốn các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Mức vốn còn lại được phân bổ như sau: (i) Phân bổ cho các bộ, cơ quan trung ương theo ngành, lĩnh vực. Các bộ, cơ quan trung ương chịu trách nhiệm phân bổ cụ thể cho các chương trình, dự án theo đúng quy định của pháp luật và theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Quyết định này; (ii) Phân bổ cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể bao gồm: chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhiệm vụ quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành

quốc gia, quy hoạch vùng, nghĩa vụ thanh toán của NSTW, các chính sách khác sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSTW theo quy định của pháp luật.

- Đối với vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài: Phân bổ trên cơ sở định hướng thu hút và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong giai đoạn 2021-2025, nhu cầu của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương đối với các dự án đang triển khai, các dự án chuyển tiếp, các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư.

Do đặc thù của vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài phân bổ cho các địa phương không tính trong tổng số 30% vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương và nguồn vốn này phụ thuộc vào định hướng thu hút ODA, cam kết của nhà tài trợ nên dự thảo Quyết định tách riêng nguyên tắc phân bổ vốn này.

4. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSTW cho các bộ, cơ quan trung ương

a) Mục tiêu của chính sách: Bảo đảm bố trí vốn tập trung, hiệu quả, hoàn thành dứt điểm các dự án chuyển tiếp, thiếu vốn, thu hồi đủ số vốn ứng trước.

b) Nội dung của chính sách

Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí cụ thể phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSTW cho các bộ, cơ quan trung ương theo đúng quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14, ngoài ra quy định chi tiết đối các dự án thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025, thu hồi vốn ứng trước, các dự án mới, cụ thể như sau:

- Ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn còn thiếu của các dự án thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025; thu hồi vốn ứng trước, cụ thể như sau:

+ Số vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm còn thiếu so với kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2016-2020 của dự án đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

+ Số vốn để hoàn trả vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong giai đoạn 2016-2020 (nếu còn).

- Số vốn còn lại bố trí cho các dự án mới (theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 2 Mục II quy định kèm theo Quyết định và thuộc các ngành, lĩnh vực quy định tại Mục I quy định kèm theo Quyết định), trong đó bao gồm các chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác cụ thể như sau:

+ Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn ngân sách trung ương phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (nếu có);

+ Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;

+ Vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

+ Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư;

+ Dự án đã được bố trí vốn tại điểm a khoản 1 Mục IV quy định kèm theo dự thảo Quyết định chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 để tiếp tục thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

+ Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt đã được cấp có thẩm quyền giao đủ kế hoạch vốn hằng năm so với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 cần tiếp tục thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

+ Dự án đã được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 mà không được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (trong đó bao gồm dự án dở dang bị đình, giãn, hoãn tiến độ có nhu cầu tiếp tục thực hiện);

+ Nhiệm vụ quy hoạch;

+ Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

+ Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công (trong đó bao gồm dự án đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nhưng chưa được bố trí vốn hằng năm, cần tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2021-2025).

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

Phải rà soát, xác định số vốn kế hoạch đầu tư trung hạn còn thiếu của các dự án thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025; số vốn phải bố trí để hoàn trả vốn ứng trước từ các bộ, cơ quan trung ương. Việc bố trí vốn tập trung đảm bảo hoàn thành dứt điểm các dự án dở dang.

5. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSTW cho các địa phương

a) Mục tiêu của chính sách: Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các địa phương có số thu lớn, có tỷ lệ điều tiết cao về NSTW, với việc ưu tiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các vùng miền

núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng miền trong cả nước.

b) Nội dung của chính sách

Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu cho địa phương theo đúng quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14, ngoài ra quy định chi tiết các dự án thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025, thu hồi vốn ứng trước, xác định số điểm của từng tiêu chí, phương pháp tính mức vốn được phân bổ, cụ thể như sau:

- Quy định cụ thể các dự án còn thiếu kế hoạch đầu tư trung hạn thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025, thu hồi vốn ứng trước, các dự án mới: Tương tự như quy định bố trí vốn đối với dự án của các bộ, cơ quan trung ương (điểm b khoản 4 mục V Tờ trình này).

- Quy định số điểm cụ thể của từng tiêu chí, các mốc thời gian, cơ quan cung cấp cung cấp số liệu làm căn cứ xác định điểm số của từng tiêu chí, bao gồm 05 nhóm tiêu chí đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định tại Điều 8 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14, bao gồm:

+ Nhóm tiêu chí dân số: (i) Điểm của tiêu chí dân số trung bình; (ii) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số.

+ Nhóm tiêu chí về trình độ phát triển: (i) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo; (ii) Điểm của tiêu chí số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết); (iii) Điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết về NSTW; (iv) Điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung cân đối từ NSTW so với tổng chi NSĐP.

+ Nhóm tiêu chí diện tích: (i) Điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên; (ii) Điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng.

+ Nhóm tiêu chí tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện: (i) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện; (ii) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện miền núi; (iii) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện vùng cao, hải đảo; (iv) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện biên giới đất liền.

+ Nhóm tiêu chí bổ sung: (i) Điểm của tiêu chí xã đảo; (ii) Điểm của tiêu chí xã biên giới đất liền (Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào, Việt Nam - Cămpuchia); (iii) Điểm của tiêu chí xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến (ATK lịch sử); (iv) Điểm của tiêu chí vùng.

Đối với điểm của tiêu chí vùng, đề nghị bổ sung thêm tính điểm cho các địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm để đảm bảo nguyên tắc là phát triển các vùng kinh tế trọng điểm.

- Quy định phương pháp tính mức vốn NSTW phân bổ cho các địa phương căn cứ vào các tiêu chí trên để tính số điểm của từng tỉnh, thành phố và tổng số điểm của 63 tỉnh, thành phố làm căn cứ để phân bổ vốn trên cơ sở xác định số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ nhân với tổng số điểm của từng địa phương.

Việc xác định điểm số cho từng tiêu chí bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các địa phương có số thu lớn, có tỷ lệ điều tiết cao về ngân sách trung ương, với việc ưu tiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng miền trong cả nước.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

Phải rà soát, xác định số vốn kế hoạch đầu tư trung hạn còn thiếu của các dự án thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025; số vốn phải bố trí để hoàn trả vốn ứng trước ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho từng địa phương.

6. Về vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương

a) *Mục tiêu của chính sách*: Xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cân đối ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội giữa trung ương và địa phương; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và NSNN trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Nội dung của chính sách:

Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương theo đúng quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14, ngoài ra quy định chi tiết tốc độ tăng trưởng 5 năm vốn đầu tư công ngân sách địa phương so với vốn đầu tư công năm 2021, cụ thể như sau:

- Đối với các địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương giai đoạn 2022 - 2025, kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương các năm 2022 - 2025 được tính trên cơ sở nguồn thu và tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và dự toán số thu về sử dụng đất và số thu về xổ số kiến thiết hằng năm của các địa phương.

- Đối với các địa phương không có điều tiết về ngân sách trung ương giai đoạn 2022 - 2025, nguồn thu trong cân đối không tăng hoặc tăng không đáng kể

(không đủ bù đắp cho nhiệm vụ thường xuyên), kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương các năm 2022 - 2025 được tính tăng tối thiểu 6% so với kế hoạch vốn năm trước được Thủ tướng Chính phủ giao (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết theo báo cáo của các địa phương).

Quy định tỷ lệ tăng 6% là tính theo dự kiến tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2021-2025 và tốc độ tăng trung bình vốn NSĐP giai đoạn 2021-2025.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

Phải xác định vốn cân đối NSĐP năm 2021 trên cơ sở quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước, dự kiến nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (nếu có), phù hợp với định hướng, mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phát triển kinh tế - xã hội của năm 2021; kết quả thực hiện dự toán ngân sách của địa phương năm 2019, ước thực hiện năm 2020.

VI. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Tác động đến pháp luật

So với Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có một số nội dung mới đảm bảo phù hợp với Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 và pháp luật khác có liên quan đến đầu tư công, khắc phục hạn chế tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, gồm: (i) Thống nhất quy định về phân ngành lĩnh vực với Luật NSNN; (ii) bảo đảm vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho địa phương không vượt quá 30% tổng chi ngân sách trung ương (iii) Quy định chi tiết đối các dự án thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025, thu hồi vốn ứng trước đảm bảo đảm bố trí vốn tập trung, hiệu quả, hoàn thành dứt điểm các dự án chuyển tiếp, thiếu vốn, thu hồi đủ số vốn ứng trước; (iv) Phân bổ vốn đầu tư công ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với thực tế thu, chi ngân sách địa phương, tăng quyền chủ động cho các địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

a) Về phân loại các dự án theo ngành, lĩnh vực

(1)) Xác định vấn đề: Theo quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 01 năm 2017 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQHQ14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, *phân bổ vốn chi đầu tư phát triển vốn ngân sách nhà nước theo 13 ngành, lĩnh vực gồm: chi quốc phòng; chi an ninh và trật tự an toàn xã hội; chi giáo dục – đào tạo và dạy nghề; chi khoa học và công nghệ; chi y tế, dân số và gia đình; chi*

văn hóa thông tin; chi phát thanh truyền hình thông tấn; chi thể dục thể thao; chi bảo vệ môi trường; chi các hoạt động kinh tế; chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể; chi bảo đảm xã hội và chi đầu tư khác.

Tuy nhiên, theo quy định tại Luật Đầu tư công và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 phân bổ theo **20 ngành, lĩnh vực** gồm: Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản; công nghiệp; thương mại; giao thông; cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải, nước thải; kho tàng; văn hóa; thể thao; du lịch; khoa học, công nghệ; thông tin; truyền thông; công nghệ thông tin; giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp; y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm; xã hội; tài nguyên và môi trường; quản lý nhà nước; quốc phòng, an ninh; dự trữ quốc gia và phần vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho các địa phương thông qua **21 chương trình mục tiêu**, khác với phân bổ ngành, lĩnh vực quy định tại Luật NSNN 2015 và Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQHQ14.

(2) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Phù hợp với quy định phân loại ngành, lĩnh vực tại Luật NSNN.

(3) Phương hướng giải quyết vấn đề: Sắp xếp lại các dự án đã có trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016-2020 đã được bố trí vốn hằng năm và các dự án đã được bố trí vốn từ NSNN nhưng chưa có trong danh mục kế hoạch đầu tư trung hạn theo 13 ngành, lĩnh vực.

(4) Đánh giá tác động của các giải pháp và kiến nghị lựa chọn: Việc thực hiện giải pháp góp phần tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ trong quản lý, báo cáo cấp có thẩm quyền về nhiệm vụ chi của NSNN, hạn chế đầu tư dàn trải.

b) Về quy định phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước

(1) Xác định vấn đề: Trong giai đoạn 2016-2020, việc phân bổ vốn chưa phân định rõ việc bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp còn thiếu vốn, bố trí vốn để hoàn trả vốn ứng trước ngân sách trung với việc bố trí vốn cho các dự án mới.

(2) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Dự thảo Quyết định quy định nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước phải đảm bảo:

- Ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn còn thiếu của các dự án thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025; thu hồi vốn ứng trước

- Số vốn còn lại bố trí cho các dự án mới thuộc các ngành, lĩnh vực.

(3) Phương hướng giải quyết vấn đề: Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương rà soát các dự án còn thiếu kế hoạch đầu tư trung hạn thuộc danh mục

của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 có nhu cầu chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025, vốn bố trí để hoàn trả dứt điểm vốn ứng trước ngân sách trung ương.

(4) Đánh giá tác động của các giải pháp và kiến nghị lựa chọn: Việc thực hiện chính sách này đảm bảo đảm bố trí vốn tập trung, hiệu quả, tránh tình trạng dàn trải, hoàn thành dứt điểm các dự án chuyển tiếp, thiếu vốn, thu hồi đủ số vốn ứng trước.

c) Về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương

(1) *Xác định vấn đề:* Việc xác định vốn đầu tư cân đối ngân sách địa phương (NSĐP) năm 2016 theo các tiêu chí về dân số, trình độ phát triển, diện tích, đơn vị hành chính cấp huyện, tiêu chí bổ sung, sau đó các năm 2017-2019, mỗi năm tăng 10% là không phù hợp với tình hình thu, chi thực tế của địa phương, tốc độ tăng thu NSĐP từng năm, dẫn tới nhiều địa phương có lũy kế bố trí kế hoạch đầu tư vốn cân đối NSĐP đến năm 2018 vượt kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối NSĐP đã được cấp có thẩm quyền giao.

(2) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Dự thảo Quyết định quy định nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương:

- Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021 được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước, dự kiến nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (nếu có), phù hợp với định hướng mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phát triển kinh tế - xã hội của năm 2021; kết quả thực hiện dự toán ngân sách của địa phương năm 2019, ước thực hiện năm 2020.

- Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương các năm 2022-2025:

+ Đối với các địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương giai đoạn 2022-2025, kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương các năm 2022-2025 được tính trên cơ sở nguồn thu và tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và dự toán số thu về sử dụng đất và số thu về xổ số kiến thiết hằng năm của các địa phương.

+ Đối với các địa phương không có điều tiết về ngân sách trung ương giai đoạn 2022-2025, nguồn thu trong cân đối không tăng hoặc tăng không đáng kể (không đủ bù đắp cho nhiệm vụ thường xuyên), kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương các năm 2022-2025 được tính tăng 6% so với kế hoạch vốn năm trước được Thủ tướng Chính phủ giao (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết theo báo cáo của các địa phương).

(3) Phương hướng giải quyết vấn đề: Căn cứ vào quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước, dự kiến nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (nếu có), phù hợp với định hướng mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phát triển kinh tế - xã hội của năm 2021; kết quả thực hiện dự toán ngân sách của địa phương năm 2019, ước thực hiện năm 2020.

(4) Đánh giá tác động của giải pháp và kiến nghị lựa chọn: Khắc phục tình trạng bố trí kế hoạch đầu tư vốn cân đối NSĐP hằng năm vượt kế hoạch đầu tư trung hạn đã giao.

2. Tác động đến thủ tục hành chính: Dự thảo Quyết định không phát sinh thêm các thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ).

3. Tác động đến giới: Dự thảo Quyết định không có quy định tạo ra sự phân biệt về giới.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực

Dự kiến nguồn lực để thi hành Quyết định như sau:

- Từ nguồn NSTW.

- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Quyết định

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Quyết định bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Tuyên truyền, phổ biến: Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Quyết định kịp thời đến các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để triển khai thực hiện, bảo đảm tiến độ xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện quán triệt, phổ biến nội dung của Quyết định cho các cơ quan, đơn vị cấp dưới bảo đảm cách hiểu thống nhất trong triển khai thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Quyết định. Ngoài nguồn kinh phí do NSNN cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Quyết định.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện: Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Quyết định này.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH

Dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ thông qua Quyết định trong tháng 8 năm 2020 để làm cơ sở cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025 trình Chính phủ tại phiên họp thường kỳ tháng 9 năm 2020, trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIV.

VIII. CÁC Ý KIẾN VỀ XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản gửi lấy ý kiến các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, đã tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về dự thảo Quyết định nêu trên (*Dự thảo Quyết định và Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn NSNN giai đoạn 2021-2025 xin gửi kèm theo*).

Kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ, Vụ PC;
- Lưu : VT, Vụ TH.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2020/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Luật Đầu tư công.

b) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công

1. Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định này là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm

trong giai đoạn 2021-2025 của cả nước, của các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước; là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

2. Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 không thấp hơn tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương để đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức lập kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 2021-2025.

2. Căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định này, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 đảm bảo phù hợp với từng cấp chính quyền địa phương.

3. Trong quá trình phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, Bộ trưởng, Thủ tưởng cơ quan trung ương và các địa phương phải quán triệt thực hiện phân bổ vốn đầu tư tập trung, không phân tán, dàn trải; bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng theo quy định; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án trong kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trung hạn và hằng năm của Bộ, cơ quan trung ương và địa phương quản lý.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ

quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu VT, KTTH.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

QUY ĐỊNH

Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-TTg ngày tháng năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

I. NGÀNH, LĨNH VỰC SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được bố trí cho các đối tượng được quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công và được phân theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 36 của Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

1. Quốc phòng: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu quốc phòng, cơ yếu, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách Trung ương và địa phương theo phân cấp.

2. An ninh và trật tự, an toàn xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu an ninh và trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, điều tra phòng, chống tội phạm, thi hành án hình sự, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách Trung ương và địa phương theo phân cấp.

3. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp thuộc các cấp học từ mầm non đến đại học.

4. Khoa học, công nghệ: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, thí nghiệm, thực nghiệm, phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, sở hữu trí tuệ, thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ phát triển công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

5. Y tế, dân số và gia đình: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu về y tế (bao gồm y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, cấp cứu, phục hồi chức năng; y học cổ truyền; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; kiểm định, kiểm nghiệm

dược phẩm, mỹ phẩm và các hoạt động khác thuộc lĩnh vực y tế), dân số, gia đình, sức khỏe sinh sản, vệ sinh an toàn thực phẩm.

6. Văn hóa, thông tin: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Văn hóa: Bảo vệ, bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, văn hóa dân tộc; phát triển văn học nghệ thuật, điện ảnh, thư viện, bảo tàng, văn hóa cơ sở, các loại hình nghệ thuật biểu diễn; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa;

b) Thông tin: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí của Nhà nước.

7. Phát thanh, truyền hình, thông tấn: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát thanh, truyền hình, thông tấn nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu.

8. Thể dục, thể thao: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát triển thể dục, thể thao;

9. Bảo vệ môi trường: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Môi trường: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị quan trắc, cảnh báo môi trường, bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, nước thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;

b) Tài nguyên: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

10. Các hoạt động kinh tế: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản; kinh tế nông thôn (bao gồm xây dựng nông thôn mới, cung cấp nước sạch và bảo đảm vệ sinh môi trường nông thôn, phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã, bố trí, sắp xếp lại dân cư nông thôn, định canh, định cư, ổn định di dân tự do và tái định cư); phát triển giống cây trồng, vật nuôi; trồng, bảo vệ và phát triển rừng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cháy rừng, dịch bệnh;

b) Công nghiệp: cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo; các nhiệm vụ, dự án thuộc lĩnh vực dầu khí theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cơ sở vật chất và trang thiết bị in, đúc tiền;

c) Giao thông: kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;

d) Khu công nghiệp và khu kinh tế: hạ tầng các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu và hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

đ) Thương mại: chợ dân sinh, chợ đầu mối, trung tâm logistic, trung tâm hội chợ triển lãm, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu;

e) Cấp nước, thoát nước;

g) Kho tàng: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị kho tàng, kho lưu trữ chuyên dụng, kho dự trữ quốc gia, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng;

h) Du lịch: cơ sở hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm, địa bàn du lịch;

i) Viễn thông: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, vật tư, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu viễn thông nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu;

k) Bưu chính: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, vật tư, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu bưu chính nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu;

l) Công nghệ thông tin: hạ tầng thông tin số, kinh tế số; hiện đại hóa công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu; các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ quốc gia dùng chung; an toàn, an ninh mạng;

m) Quy hoạch: các nhiệm vụ quy hoạch;

n) Công trình công cộng tại các đô thị;

o) Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

11. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ mục tiêu xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở, nhà công vụ, mua sắm

trang thiết bị của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, nhà nước; dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

12. Xã hội: các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị của các cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng, nuôi dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe người lao động; xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ; cơ sở cai nghiện và trợ giúp xã hội khác;

13. Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật: Hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng, chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc đối tượng đầu tư công chưa phân loại được vào 12 ngành, lĩnh vực nêu trên.

II. NGUYÊN TẮC CHUNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Nguyên tắc chung

a) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các bộ, cơ quan trung ương và các cấp chính quyền địa phương.

c) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển của đất nước tại Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương, Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của quốc gia, các ngành, lĩnh vực, địa phương, kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm, Chiến lược phát triển ngành, các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

d) Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước trong kế hoạch tài chính 5 năm, bảo đảm các cân đối vĩ mô, an toàn nợ công. Đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công, tính toán hợp lý cơ cấu nguồn lực ngân sách Trung ương và địa phương, bảo đảm ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo; tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

đ) Phân bổ vốn đầu tư tập trung; không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Thủ tướng Chính phủ quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.

e) Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu (sạt lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, nước biển dâng,...), bảo đảm an ninh nguồn nước.

g) Ưu tiên phân bổ vốn cho các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn, đồng bộ với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng, miền trong cả nước.

h) Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Thứ tự ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm theo từng ngành, lĩnh vực, chương trình của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

- Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có);

- Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước (nếu còn);

- Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

- Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch;

- Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

- Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

3. Về bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và hoàn trả vốn ứng trước: Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương nếu vẫn còn nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày ngày 01 tháng 01 năm 2015 và số vốn ứng trước chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch trung hạn giai đoạn trước, phải bố trí đủ vốn kế hoạch đầu tư trung hạn trong từng ngành, lĩnh vực để thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi dứt điểm các khoản ứng trước; phần còn lại bố trí theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 2 Mục II quy định kèm theo Quyết định này.

III. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

1. Nguyên tắc phân bổ vốn:

Thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 51 của Luật Đầu tư công, tại Mục II quy định kèm theo Quyết định này về các nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn và các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Bảo đảm tương quan hợp lý về cơ cấu phân bổ vốn đầu tư giữa các bộ, cơ quan trung ương và giữa các ngành, lĩnh vực; vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương; vốn để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể bao gồm: chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước;

b) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Mục I của Quyết định này;

c) Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương phải bảo đảm đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương:

a) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách trung ương theo quy định

của pháp luật về ngân sách nhà nước và thuộc đối tượng đầu tư công quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công.

b) Đối với vốn trong nước:

- Dành tối đa không quá 30% để bổ sung có mục tiêu cho địa phương và được phân bổ theo ngành, lĩnh vực, không bao gồm vốn các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Mức vốn còn lại được phân bổ như sau:

+ Phân bổ cho các bộ, cơ quan trung ương theo ngành, lĩnh vực. Các bộ, cơ quan trung ương chịu trách nhiệm phân bổ cụ thể cho các chương trình, dự án theo đúng quy định của pháp luật và theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Quyết định này.

+ Phân bổ cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể bao gồm: chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhiệm vụ quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, nghĩa vụ thanh toán của ngân sách trung ương, các chính sách khác sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật.

c) Đối với vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:

Phân bổ trên cơ sở định hướng thu hút và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong giai đoạn 2021-2025, nhu cầu của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương đối với các dự án đang triển khai, các dự án chuyển tiếp, các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư.

IV. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

1. Thực hiện theo quy định tại Mục III quy định kèm theo Quyết định này và phân bổ theo nguyên tắc, tiêu chí cụ thể như sau:

a) Ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn còn thiếu của các dự án thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025, thu hồi vốn ứng trước, cụ thể như sau:

- Số vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm còn thiếu so với kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 của chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

- Số vốn để hoàn trả vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong giai đoạn 2016-2020 (nếu còn).

b) Số vốn còn lại bố trí cho các dự án mới (theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 2 Mục II quy định kèm theo Quyết định này và thuộc các ngành, lĩnh vực quy định tại Mục I quy định kèm theo Quyết định này), trong đó bao gồm các chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác cụ thể như sau:

- Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn ngân sách trung ương phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (nếu có);

- Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;

- Vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

- Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư;

- Dự án đã được bố trí vốn tại điểm a nêu trên chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 để tiếp tục thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt đã được cấp có thẩm quyền giao đủ kế hoạch vốn hằng năm so với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 cần tiếp tục thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

- Dự án đã được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 mà không được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (trong đó bao gồm dự án dở dang bị đình, giãn, hoãn tiến độ có nhu cầu tiếp tục thực hiện);

- Nhiệm vụ quy hoạch;

- Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

- Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công (trong đó bao gồm dự án đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nhưng chưa được bố trí vốn hằng năm, cần tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2021-2025).

2. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương quy định tại khoản 4 Điều 4 của Luật Đầu tư công theo ngành, lĩnh vực quy định tại Mục I quy định kèm theo Quyết định này.

V. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG

1. Nguyên tắc phân bổ vốn

Thực hiện theo quy định tại Mục III quy định kèm theo Quyết định này và các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các địa phương có số thu lớn, có tỷ lệ điều tiết cao về ngân sách trung ương, với việc ưu tiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng miền trong cả nước;

b) Các địa phương chịu trách nhiệm bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho các chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực đúng quy định pháp luật theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Quyết định này và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển;

c) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư công;

d) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho địa phương được thực hiện như sau:

- Ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn còn thiếu của các dự án thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025; thu hồi vốn ứng trước, cụ thể như sau:

+ Số vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm còn thiếu so với kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 của dự án đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

+ Số vốn để hoàn trả vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong giai đoạn 2016-2020 (nếu còn).

- Số vốn còn lại bố trí cho các dự án mới (theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 2 Mục II quy định kèm theo Quyết định này và thuộc các ngành, lĩnh vực quy định tại Mục I quy định kèm theo Quyết định này), trong đó bao gồm các chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác cụ thể như sau:

+ Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn ngân sách trung ương phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (nếu có);

+ Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;

+ Vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

+ Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư;

+ Dự án đã được bố trí vốn tại điểm a nêu trên chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 để tiếp tục thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

+ Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt đã được cấp có thẩm quyền giao đủ kế hoạch vốn hằng năm so với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 cần tiếp tục thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

+ Dự án đã được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 mà không được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (trong đó bao gồm dự án dở dang bị đình, giãn, hoãn tiến độ có nhu cầu tiếp tục thực hiện);

+ Nhiệm vụ quy hoạch;

+ Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

+ Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công (trong đó bao gồm dự án đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nhưng chưa được bố trí vốn hằng năm, cần tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2021-2025).

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn:

a) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực quy định tại Mục I quy định kèm theo Quyết định này;

b) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho địa phương được phân bổ cho dự án có quy mô từ nhóm B trở lên (không bao gồm các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia). Trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

c) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương được phân bổ cho các dự án mới thuộc các ngành, lĩnh vực của địa phương trên cơ sở tính điểm theo các tiêu chí sau:

- Tiêu chí dân số: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số của các địa phương (trừ Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh);

- Tiêu chí về trình độ phát triển: Tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết), tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương và tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương;

- Tiêu chí diện tích: Diện tích đất tự nhiên, tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương;

- Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp huyện: Số đơn vị hành chính cấp huyện; số huyện miền núi; vùng cao, hải đảo; biên giới đất liền của từng địa phương;

- Các tiêu chí bổ sung, bao gồm:

+ Tiêu chí xã ATK thuộc vùng căn cứ kháng chiến (ATK lịch sử);

+ Tiêu chí các xã đảo, xã biên giới đất liền, gồm: các xã biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào và Việt Nam – Campuchia;

+ Tiêu chí vùng, gồm: các vùng chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu (sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng,...).

3. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể:

a) Tiêu chí dân số: bao gồm số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số năm 2019. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí dân số trung bình

Số dân trung bình	Điểm
Đến 500.000 người	10
Trên 500.000 đến 1.000.000, cứ tăng thêm 100.000 người được tính thêm	2
Trên 1.000.000 đến 2.000.000, cứ tăng thêm 100.000 người được tính thêm	1
Trên 2.000.000, cứ tăng thêm 100.000 người được tính thêm	0,5

Dân số trung bình của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Tổng cục Thống kê năm 2019.

Riêng Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng 10 điểm.

(2) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số người dân tộc thiểu số	Điểm
Cứ 100.000 người dân tộc thiểu số được	0,5

Số người dân tộc thiểu số của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Tổng cục Thống kê năm 2019.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, bao gồm 04 tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết), tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương và tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 1% hộ nghèo được	0,1

Tỷ lệ hộ nghèo để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2019.

(2) Điểm cuả tiêu chí số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết):

Số thu nội địa	Điểm
Các địa phương có số thu nội địa từ 0 đến 5.000 tỷ đồng	0,5
Các địa phương có số thu nội địa trên 5.000 tỷ đồng đến 40.000 tỷ đồng	1
Các địa phương có số thu nội địa trên 40.000 tỷ đồng đến 80.000 tỷ đồng	2
Các địa phương có số thu nội địa trên 80.000 tỷ đồng đến 100.000 tỷ đồng	3
Các địa phương có số thu nội địa trên 100.000 tỷ đồng	4

Số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết) để tính toán điểm được xác định căn cứ vào dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 do Thủ tướng Chính phủ giao.

(3) Điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương:

Tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương	Điểm
Các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương trên 0% đến 5%	0,5
Các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương trên 5% đến 20%	1
Các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương trên 20% đến 50%	2
Các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương trên 50%	3

Tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào dự toán ngân sách trung ương năm 2020 do Quốc hội quyết nghị.

(4) Điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi ngân sách địa phương:

Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương	Điểm
Các địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương trên 0% đến 10% được tính	10
Trên 10% đến 30%, cứ 2% bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương được tính thêm	3
Trên 30% đến 50%, cứ 2% bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương được tính thêm	1
Trên 50% trở lên, cứ 2% bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương được tính thêm	0,5

Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi ngân sách địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào dự toán ngân sách trung ương năm 2020 do Quốc hội quyết nghị.

c) Tiêu chí diện tích: bao gồm diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên:

Diện tích đất tự nhiên	Điểm

Đến 2.000 km2	8
Trên 2.000 km2 đến 5.000 km2, cứ 1.000 km2 tăng thêm được tính thêm	4
Trên 5.000 km2 đến 10.000 km2, cứ 1.000 km2 tăng thêm được tính thêm	2
Trên 10.000 km2, cứ 1.000 km2 tăng thêm được tính thêm	0,5

Diện tích đất tự nhiên của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Tổng cục Thống kê năm 2020.

(2) Điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương:

Tỷ lệ che phủ rừng	Điểm
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng đến 10%	0,5
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 10% đến 50%	1
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 50% trở lên	2

Tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn năm 2019.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm 04 tiêu chí: đơn vị hành chính cấp huyện (bao gồm số quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); huyện miền núi; huyện vùng cao, hải đảo; huyện biên giới đất liền.

(1) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện:

Đơn vị hành chính cấp huyện	Điểm
Mỗi huyện được tính	0,5

Số đơn vị hành chính cấp huyện để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Bộ Nội vụ về số đơn vị hành chính cấp huyện năm 2020.

(2) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện miền núi:

Đơn vị hành chính cấp huyện miền núi	Điểm

Mỗi huyện được tính	0,2

Số đơn vị hành chính cấp huyện miền núi để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Ủy ban Dân tộc về số đơn vị hành chính cấp huyện miền núi năm 2020.

(3) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện vùng cao, hải đảo:

Đơn vị hành chính cấp huyện vùng cao, hải đảo	Điểm
Mỗi huyện được tính	0,2

Số đơn vị hành chính cấp huyện vùng cao, hải đảo để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Ủy ban Dân tộc về số đơn vị hành chính cấp huyện vùng cao, hải đảo năm 2020.

(4) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện biên giới đất liền:

Đơn vị hành chính cấp huyện biên giới đất liền	Điểm
Mỗi huyện được tính	0,2

Số đơn vị hành chính cấp huyện biên giới đất liền để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Bộ Ngoại giao về số đơn vị hành chính cấp huyện biên giới đất liền năm 2020.

e) Các tiêu chí bổ sung

Địa phương	Điểm
01 xã đảo	0,1
01 xã biên giới đất liền (Việt Nam - Trung Quốc Việt Nam - Lào, Việt Nam - Căm pu chia)	0,1
01 xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến (ATK lịch sử)	0,1
Địa phương thuộc Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	50
Địa phương thuộc Vùng Miền núi phía Bắc	18

Địa phương thuộc Vùng Tây Nguyên	18
Địa phương thuộc Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	15
Địa phương thuộc Vùng Đồng bằng sông Hồng	2
Địa phương thuộc Vùng Đông Nam Bộ	2
Địa phương thuộc Vùng kinh tế trọng điểm	2

Số xã đảo để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu cung cấp của Bộ Nội vụ năm 2020.

Số xã biên giới đất liền (các xã biên giới Việt Nam Trung Quốc và các xã biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Cămpuchia để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu cung cấp của Bộ Ngoại giao năm 2020.

Số xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu cung cấp của Bộ Nội vụ 2020.

Trong trường hợp có sự thay đổi về phân vùng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh điểm số của tiêu chí vùng.

4. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

a) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng tỉnh, thành phố và tổng số điểm của 63 tỉnh, thành phố làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương, theo các công thức sau:

- Điểm của tiêu chí dân số:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số của tỉnh thứ i là A_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí dân số trung bình tỉnh thứ i là h_i.

+ Gọi số điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số tỉnh thứ i là k_i.

Điểm của tiêu chí dân số tỉnh thứ i sẽ là:

$$A_i = h_i + k_i$$

- Điểm của tiêu chí trình độ phát triển:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của tỉnh thứ i là B_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo tỉnh thứ i là n_i.

+ Gọi số điểm của tiêu chí số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết) tỉnh thứ i là p_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương tỉnh thứ i là q_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi ngân sách địa phương tỉnh thứ i là r_i.

Điểm của tiêu chí trình độ phát triển tỉnh thứ i sẽ là:

$$B_i = n_i + p_i + q_i + r_i$$

- Điểm của tiêu chí diện tích:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của tỉnh thứ i là C_i.

+ Gọi số điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên tỉnh thứ i là m_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương tỉnh thứ i là l_i

Điểm của tiêu chí diện tích tỉnh thứ i sẽ là:

$$C_i = m_i + l_i$$

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện:

+ Gọi tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện của tỉnh thứ i là D_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh thứ I là s_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện miền núi tỉnh thứ i là t_i.

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện vùng cao, hải đảo thứ i là u_i.

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện biên giới đất liền tỉnh thứ i là v_i.

Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh thứ i sẽ là:

$$D_i = s_i + t_i + u_i + v_i$$

- Điểm của tiêu chí bổ sung:

+ Gọi tổng số điểm của tiêu chí bổ sung của tỉnh thứ i là L_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí xã đảo là E_i.

+ Gọi số điểm của tiêu chí xã biên giới đất liền là F_i.

+ Gọi số điểm của tiêu chí xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến là G_i.

+ Gọi số điểm của tiêu chí vùng là H_i.

Điểm tiêu chí bổ sung của tỉnh thứ i sẽ là:

$$L_i = E_i + F_i + G_i + H_i$$

- Tổng điểm của tỉnh thứ i:

+ Gọi tổng số điểm của tỉnh thứ i gọi là X_i:

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i + L_i$$

- Tổng sổ điểm của 63 tỉnh, thành phố là Y, ta có:

$$Y = \sum_{i=1}^{63} Xi$$

b) Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ được tính theo công thức:

Gọi K là tổng số vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

c) Tổng số vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương của từng địa phương được tính theo công thức:

Gọi Vi là số vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương:

$$V_i = Z \times X_i$$

VI. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công.

2. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện theo chủ trương đầu tư của từng chương trình do Quốc hội quyết định.

VII. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

1. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Mục I và các nguyên tắc quy định tại Mục II quy định kèm theo Quyết định này.

2. Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021 được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước, dự kiến nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (nếu có), phù hợp với định hướng mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phát triển kinh tế - xã hội của năm 2021; kết quả thực hiện dự toán ngân sách của địa phương năm 2019, ước thực hiện năm 2020.

3. Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương các năm 2022 - 2025:

- Đối với các địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương giai đoạn 2022 - 2025, kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương các năm 2022 - 2025 được tính trên cơ sở nguồn thu và tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và dự toán số thu về sử dụng đất và số thu về xổ số kiến thiết hằng năm của các địa phương.

- Đối với các địa phương không có điều tiết về ngân sách trung ương giai đoạn 2022 - 2025, nguồn thu trong cân đối không tăng hoặc tăng không đáng kể (không đủ bù đắp cho nhiệm vụ thường xuyên), kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương các năm 2022 - 2025 được tính tăng tối thiểu 6% so với kế hoạch vốn năm trước được Thủ tướng Chính phủ giao (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết theo báo cáo của các địa phương).

VIII. ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP

1. Đối với các dự án chưa hoàn thành, dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn ngân sách nhà nước nhưng chưa được bố trí vốn hằng năm để thực hiện, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương tiếp tục bố trí vốn ngân sách nhà nước để hoàn thành theo tiến độ bố trí vốn đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Đối với các dự án dự kiến đầu tư nhưng chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn ngân sách nhà nước, trong trường hợp các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương dự kiến tiếp tục bố trí trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước của đơn vị mình thực hiện theo quy định tại Điều 101 của Luật Đầu tư công.

3. Các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 tùy theo tính chất, mục tiêu của dự án được sắp xếp vào 13 ngành, lĩnh vực theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

PHỤ LỤC

Phân loại ngành, lĩnh vực đối với dự án thuộc các chương trình mục tiêu của giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-TTg ngày tháng năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Ngành, lĩnh vực	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu
1. Quốc phòng	Các dự án phục vụ mục tiêu quốc phòng thuộc Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm, Chương trình mục tiêu Công nghiệp quốc phòng thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình mục tiêu Biển Đông - Hải đảo bảo đảm cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh trên biển và hải đảo thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
2. An ninh và trật tự, an toàn xã hội	Các dự án có mục tiêu an ninh và trật tự, an toàn xã hội thuộc Chương trình mục tiêu bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
3. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Các dự án có mục tiêu giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động, Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
4. Khoa học, công nghệ	Các dự án có mục tiêu khoa học công nghệ thuộc Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
5. Y tế, dân số và gia đình	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu y tế - dân số, Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn

Ngành, lĩnh vực	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu
	2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn
6.Văn hóa thông tin	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
7. Bảo vệ môi trường	
7.1. Môi trường	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích, Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
7.2. Tài nguyên	Các dự án có mục tiêu tài nguyên thuộc Chương trình mục tiêu Biển Đông-Hải đảo bảo đảm cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh trên biển và hải đảo thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
8. Các hoạt động kinh tế	
8.1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Các dự án có mục tiêu nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản thuộc Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững, Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
8.2. Công nghiệp	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn

Ngành, lĩnh vực	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu
	giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
8.3 Khu công nghiệp và khu kinh tế	Các dự án có mục tiêu khu công nghiệp và khu kinh tế thuộc Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
8.4 Thương mại	Các dự án có mục tiêu thương mại thuộc Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
8.5 Du lịch	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
8.6 Công nghệ thông tin	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
9. Xã hội	Các dự án có mục tiêu xã hội thuộc Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội, Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu vốn.
10. Đối với các nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp thuộc Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng, các dự án chuyển tiếp sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được sắp xếp tương ứng vào các ngành, lĩnh vực nêu trên phù hợp với tính chất, mục tiêu của các nhiệm vụ, dự án, trong đó: vốn đối ứng của dự án chuyển tiếp sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được sắp xếp theo ngành, lĩnh vực sử dụng vốn nước ngoài của dự án.	

PHỤ LỤC

Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

(Phụ lục kèm theo Công văn số 5311/BKHĐT-TH ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
A	**QUY ĐỊNH CHUNG**		
I	**Điều 1.**		
	Bộ Tư pháp	Điều 1 dự thảo Quyết định quy định "Ban hành kèm theo Quyết định này các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025". Đề nghị rà soát lại dự thảo Quyết định để bảo đảm thực hiện đúng nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ được giao tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14. đề nghị không quy định lại các nội dung đã quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14, chỉ hướng dẫn đúng các quy định được Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 giao cho Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở đó, điều chỉnh lại tên gọi của dự thảo Quyết định cho phù hợp	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Tại Khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 giao Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm quy định chi tiết việc thực hiện Nghị quyết. Căn cứ quy định nêu trên, để đảm bảo tính toàn diện, nhất quán, giúp các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện đầy đủ, đúng quy định, Bộ KH&ĐT đề xuất xây dựng dự thảo Quyết định trong đó quy định chi tiết, đầy đủ nội dung quy định tại các Điều, khoản của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020 và quy định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.
II	**Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**		
III	**Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công**		
	Bộ Tư pháp	Đề nghị cân nhắc quy định "trình Chính phủ xem xét, quyết định" vì theo quy định tại khoản 4 Điều 49 Luật Đầu tư công thì tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước là một nội dung trong báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn trình Quốc hội phê duyệt, trong khi đó, Chính phủ không phải là cơ quan quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm	Bộ KH&ĐT đã tiếp thu.
IV	**Điều 4. Tổ chức thực hiện**		
V	**Điều 5. Hiệu lực thi hành**		
V	**Điều 6. Trách nhiệm thi hành**		
B	**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**		

STT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Kon Tum	Tại khoản 6, Điều 51, Luật đầu tư công quy định: "Quốc hội quyết định mức vốn, việc sử dụng, thời điểm sử dụng dự phòng chung nguồn ngân sách trung ương của kế hoạch đầu tư công trung hạn quốc gia. Hội đồng nhân dân các cấp quyết định mức vốn, việc sử dụng, thời điểm sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách cấp mình quản lý". Tuy nhiên, theo dự thảo quy định về tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương (khoản 2, mục III) lại không đề cập đến tỷ lệ dự phòng chung nguồn ngân sách Trung ương. Đồng thời, về tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương (mục VII) cũng không đề cập đến tỷ lệ dự phòng chung nguồn ngân sách địa phương. Như vậy, trong giai đoạn giai đoạn 2021 - 2025, địa phương không phải thực hiện việc dành lại một phần dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn?	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Quyết định này quy định về các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025. Đối với việc quyết định mức vốn, việc sử dụng, thời điểm sử dụng dự phòng chung nguồn NSTW, NSĐP thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.
I	**MỤC I. NGÀNH, LĨNH VỰC SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**		
	Hà Tĩnh	Đề nghị có phân loại hoặc hướng dẫn xếp ngành, lĩnh vực đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật có nhiều hạng mục thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau; hoặc các dự án đa mục tiêu,.. như: Các dự án hạ tầng phát triển đô thị (thường bao gồm: san nền, đường giao thông, mương thoát nước, hệ thống điện,…); Các dự án logistic trong các Khu kinh tế (có thể xếp được vào các nhóm: Thương mại, Giao thông, Hạ tầng Khu kinh tế,…)	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Việc phân loại ngành, lĩnh vực đối với các dự án đã được quy định cụ thể trong Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 và tại dự thảo Quyết định này. Đối với các trường hợp địa phương đề cập, Mục I quy định kèm theo dự thảo Quyết định quy định, các dự án phục vụ các mục tiêu về công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng khu kinh tế sẽ thuộc ngành, lĩnh vực "các hoạt động kinh tế".
1	**Khoản 1. Quốc phòng**		
2	**Khoản 2. An ninh và trật tự, an toàn xã hội**		
3	**Khoản 3. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**		

STT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Gia Lai	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp thuộc các cấp học từ mầm non đến đại học". Căn cứ quy định trên thì hiện nay hệ thống các trường Chính trị tỉnh không thuộc đối tượng trên. Đề nghị Bộ xem xét có hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp này	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Theo quy định tại Quyết định số 09-QĐi/TW ngày 13/11/2018 của Ban Chấp hành Trung ương *"Trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là trường chính trị cấp tỉnh) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy".* Đối chiếu với quy định về phân ngành lĩnh vực quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14, các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ mục tiêu xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở, nhà công vụ, mua sắm trang thiết bị của Hệ thống các trường Chính trị tỉnh sẽ thuộc ngành, lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội.
4	**Khoản 4. Khoa học, công nghệ**		
5	**Khoản 5. Y tế, dân số và gia đình**		
6	**Khoản 6. Văn hóa, thông tin**		
7	**Khoản 7. Phát thanh, truyền hình, thông tấn**		
8	**Khoản 8. Thể dục, thể thao**		
9	**Khoản 9. Bảo vệ môi trường**		
	Gia Lai	Đề nghị Bộ làm rõ các dự án, nhiệm vụ về lĩnh vực quản lý đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường có thuộc đối tượng đầu tư công thuộc lĩnh vực bảo vệ tài nguyên thiên nhiên không; nếu không có thì đề nghị bổ sung vào tiết b, khoản 9 Điều 3, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Đối chiếu với quy định về phân ngành lĩnh vực quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14, các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ mục tiêu ; ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu sẽ thuộc ngành công nghệ thông tin trong lĩnh vực các hoạt động kinh tế.
10	**Khoản 10. Các hoạt động kinh tế**		

STT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Ngân hàng nhà nước	đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung sau vào điểm o khoản 10 Phần I của dự thảo Quyết định, cụ thể: "o, Cấp vốn điều lệ cho các Ngân hàng chính sách, Ngân hàng thương mại Nhà nước, Ngân hàng Hợp tác xã để đảm bảo vai trò chủ lực, điều tiết thị trường và hỗ trợ an toàn hệ thống, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã"	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng thương mại Nhà nước không thuộc đối tượng đầu tư công. Đồng thời theo quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 chỉ quy định *"cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách"*.
11	**Khoản 11. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội**		
12	**Khoản 12. Xã hội**		
13	**Khoản 13. Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật**		
II	**MỤC II. NGUYÊN TẮC CHUNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-**		
1	**Khoản 1. Nguyên tắc chung**		
	Tuyên Quang	đề nghị Trung ương và địa phương dành khoản dự phòng (chưa phân bổ) trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021- 2025 để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư trung hạn	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 không quy định việc dành một khoản dự phòng (chưa phân bổ) trong kế hoạch đầu tư công trung hạn.
2	**Khoản 2. Thứ tự ưu tiên**		
	Kon Tum	Tại gạch đầu dòng thứ 3, khoản 2, mục II quy định: *"Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;..."*. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Đầu tư công, đối với phần khối lượng đã nghiệm thu và chưa bố trí kế hoạch đầu tư để thanh toán là nợ đọng xây dựng cơ bản, trong đó: - Nếu phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 được ưu tiên bố trí để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất, khoản 2, mục II. - Nếu phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 thì không được bố trí vốn đầu tư công để trả nợ. Do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bỏ nội dung này hoặc biên tập lại để tránh trùng lắp và nhầm lẫn.	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Việc phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn đã được quy định tại Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.

STT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Bộ Giao thông vận tại	đề nghị bổ sung vào khổ cuối (trang 5) nội dung như sau "Riêng đối với đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quốc gia, chỉ bố trí vốn khởi công mới các dự án quan trọng quốc gia, các dự án có tác động liên vùng, có ý nghĩa phát triển kinh tế-xã hội nhanh, bền vững; đối với hạ tầng hiện hữu chỉ bố trí vốn tăng cường kết cấu mặt đường và hệ thống an toàn giao thông để cải thiện năng lực lưu thông, đảm bảo an toàn giao thông"	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Thứ tự ưu tiên đối với việc phân bổ áp dụng chung cho tất cả các ngành, lĩnh vực, đã được quy định cụ thể trong Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.
3	**Khoản 3. Về bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và hoàn trả vốn ứng trước**		
	Bắc Ninh	đề nghị sửa đoạn: "ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp sử dụng một phần số tăng thu cân đối ngân sách địa phương để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản hoàn trả các khoản vốn ứng trước của địa phương..." thành "ủy ban nhân dân **các cấp** báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp sử dụng một phần số tăng thu cân đối ngân sách địa phương để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản hoàn trả các khoản vốn ứng trước của địa phương.."	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Để thực hiện theo đúng Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước, Bộ KH&ĐT đã điều chỉnh nội dung trên để phù hợp với quy định.
	Hà Tĩnh	đề nghị xem xét, bổ sung quy định riêng đối với việc thu hồi vốn ứng trước của các dự án quan trọng quốc gia, các dự án có tác động liên vùng và cả nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo hướng: Thu hồi từ phần vốn phân bổ cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể của Trung ương; chuyển vốn ứng thành vốn cấp hoặc bố trí thu hồi từ nguồn vốn tăng thu ngân sách trung ương (nếu có); Việc quy định các địa phương bố trí thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn trong từng ngành, lĩnh vực và từ nguồn tăng thu NSĐP như dự thảo Quyết định là chưa hoàn toàn phù hợp và có thể gây ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển của các địa phương trong cả kỳ kế hoạch trung hạn	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Đề nghị của địa phương đã được thể hiện rõ tại điểm d khoản 1 mục V quy định kèm theo dự thảo Quyết định.

STT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Nghệ An	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu chỉnh sửa để đảm bảo nguồn vốn ưu tiên bố trí cho các công trình chuyển tiếp trong KH trung hạn và phù hợp với thứ tự ưu tiên bố trí vốn được quy định trong nguyên tắc, tiêu chí như sau: "Trong quá trình điều hành, nếu có tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách trung ương, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư ưu tiên bố trí vốn ngân sách trung ương để thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi dứt điểm các khoản ứng trước của Bộ, cơ quan trung ương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp sử dụng một phần số tăng thu cân đối ngân sách địa phương để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, hoàn trả các khoản vốn ứng trước của địa phương; sau khi thanh toán dứt điểm số nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng trước, *mới sử dụng số tăng thu còn lại để bố trí cho các dự án chuyển tiếp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, sau khi bố trí hết nhu cầu chuyển tiếp mới được phép bố trí cho các dự án khởi công mới".*	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Để thực hiện theo đúng Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước, Bộ KH&ĐT đã điều chỉnh nội dung trên để phù hợp với quy định.
III	**MỤC III. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**		
1	**Khoản 1. Nguyên tắc phân bổ vốn**		
2	**Khoản 2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương**		
	Bộ Tài nguyên và Môi trường	điểm c cần quy định cụ thể hơn về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan trung ương đã được quy định cụ thể tại Mục IV quy định kèm theo dự thảo Quyết định.
	Tuyên Quang	Đề nghị xem xét, nâng tỷ lệ phân chia cơ cấu phân bổ vốn ngân sách trung ương phần trong nước cho các địa phương từ 30% lên 40% để chủ động tập trung ưu tiên phân bổ vốn thực hiện, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án đúng quy định pháp luật thuộc các ngành, lĩnh vực theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên và phù hợp với định hướng phát triển tại địa phương	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Mức vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương đã được quy định rõ trong Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.
IV	**MỤC IV. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG**		
1	**Khoản 1**		

STT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Bộ Tài nguyên và Môi trường	cần phải ưu tiên ở mức cao nhất (a) đối với vốn thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và dự án hoàn thành bàn giao đã đưa vào sử dụng nhưng còn thiếu vốn; ưu tiên ở mức cao hơn đối với vốn thực hiện nhiệm vụ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, đặc biệt là quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia để tổ chức thực hiện lập các quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ như chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2020 về các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn cho các dự án đã được quy định cụ thể cụ thể trong Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.
2	**Khoản 2**		
V	**MỤC V. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC**		
1	**Khoản 1. Nguyên tắc phân bổ vốn**		
	Nam Định	đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tham mưu xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong đó tách riêng các khoản vốn hoàn ứng từ giai đoạn trước chuyển sang, không cân đối vào tổng nguồn vốn NSTW hỗ trợ cho các địa phương theo định mức quy định chung	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Đề nghị của địa phương đã được thể hiện rõ tại điểm d khoản 1 mục V quy định kèm theo dự thảo Quyết định.
	Nghệ An	(1) Đề nghị sửa đổi tên trong mục d *"Số vốn còn lại bố trí cho các dự án mới thuộc các ngành, lĩnh vực quy định tại Mục I của Quyết định này"* thành *"Số vốn còn lại bố trí cho danh mục các dự án chưa có trong danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020"*; (2) Nội dung điểm này: *"Số vốn còn lại bố trí cho các dự án mới thuộc các ngành, lĩnh vực quy định tại Mục I của Quyết định này, bao gồm: thanh toán nợ đọng XDCB, dự án đã hoàn thành..."* là không chính xác; (3) + Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu sắp xếp lại thứ tự ưu tiên, sử dụng dấu (-) và (+) để phân định rõ các đối tượng ưu tiên cho hợp lý; (4) Đề nghị xem xét, đưa vào ưu tiên bố trí vốn cho các dự án thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (từ năm 2016 đến 2020 đã được bố trí đủ kế hoạch trung hạn 2016-2020 vốn ngân sách trung ương), nhưng còn thiếu so với mức vốn ngân sách trung ương đã được cấp có thẩm quyền quyết định tại chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư.	(1) Bộ KH&ĐT đã tiếp thu và chỉnh sửa theo quy định. (2) Bộ KH&ĐT giải trình như sau: dự án mới quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 là các dự án không chỉ bao gồm các dự án khởi công mới, mà còn có các dự án khác (trong dự thảo Quyết định) (3) Bộ KH&ĐT đã tiếp thu (4) Bộ KH&ĐT đã tiếp thu

STT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Nghệ An	(5) Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ các dự án đã được cấp có thẩm quyền giao Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020 ngân sách trung ương, nhưng chưa được bố trí kế hoạch hàng năm (do ngân sách trung ương không cân đối đủ) có thuộc đối tượng *"Số vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm còn thiếu của dự án so với kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã được cấp có thẩm quyền giao"* hay không? Nếu không thuộc đối tượng này, đề nghị xem xét, đưa vào ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã được bố trí kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020 ngân sách trung ương, nhưng chưa được bố trí kế hoạch hàng năm (do ngân sách trung ương không cân đối đủ)	(5) Bộ KH&ĐT đã tiếp thu
	Ninh Bình	(1) cần xem xét, nghiên cứu bổ sung thêm thứ tự ưu tiên cho tiêu chí *"dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025, nhất là ưu tiên các dự án được lập, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công"* và đưa tiêu chí này thành thứ tự ưu tiên số 2 trước tiêu chí *"số vốn còn lại bố trí cho các dự án mới thuộc ngành, lĩnh vực quy định tại mục I của Quyết định này"*	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSĐP được quy định rõ trong Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.
	Ninh Bình	(2) Tại các nội dung thuộc thứ tự ưu tiên thứ 2 trong nội dung dự thảo quyết định *"số vốn còn lại bố trí cho các dự án mới thuộc ngành, lĩnh vực quy định tại mục I của Quyết định này, bao gồm:"* cần nghiên cứu, xem xét để tránh trùng lặp về mặt nội dung giữa 2 thứ tự ưu tiên *"Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ phê duyệt chưa được cấp thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 phải thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025"* và *"Dự án dở dang bị đình, giãn, hoãn tiến độ có nhu cầu tiếp tục thực hiện (nếu thấy cần thiết) nhưng chưa được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020"*. Đồng thời, đối với thứ tự ưu tiên *"Dự án dở dang bị đình, giãn, hoãn tiến độ có nhu cầu tiếp tục thực hiện (nếu thấy cần thiết) nhưng chưa được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020"* cũng không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 4 - Điều 51 Luật Đầu tư công.	Bộ KH&ĐT đã tiếp thu

STT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Vĩnh Long	đề nghị bổ sung nội dung: *"dự án đã sử dụng hết kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền giao trong giai đoạn 2016-2020 nhưng chưa hoàn thành và cần phải chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 để thực hiện hoàn thành theo tiến độ được phê duyệt"*	Bộ KH&ĐT đã tiếp thu
2	**Khoản 2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn**		
	Bắc Ninh	Trong nội dung điểm có tiêu thức để xác định vốn đầu tư công nguồn NSTW trong nước bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương được phân bổ cho các dự án mới thuộc các ngành lĩnh vực; đề nghị bổ sung quy định xác định mức vốn NSTW cho các dự án chuyển tiếp, là các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và đã được bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm nhưng còn thiếu so với hạn mức trung hạn được giao	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Đề nghị của địa phương đã được thể hiện rõ tại điểm d khoản 1 mục V quy định kèm theo dự thảo Quyết định.
3	**Khoản 3. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể**		
	Lai Châu	Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung điểm d như sau: Đơn vị hành chính cấp huyện (bao gồm số quận, huyện, thị xã, *thành phố trực thuộc tỉnh*); huyện miền núi; huyện vùng cao, hải đảo; huyện biên giới, đất liền	Bộ KH&ĐT đã tiếp thu
	Nghệ An	(1) Đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu thống nhất mốc thời gian lấy số liệu thống kê để tính các tiêu chí tính điểm (trong dự thảo, có số liệu thì lấy mốc năm 2019, có số liệu lấy mốc năm 2020); (2) Đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu tiêu chí tính điểm trong phần tiêu chí bổ sung đối với các địa phương được Bộ Chính trị quan tâm ban hành Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội, được Thủ tướng Chính phủ ban hành các Quyết định về phê duyệt phát triển kinh tế vùng, miền; (3) Đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung tiêu chí tính điểm đối với các xã thuộc vùng CT229.	(1) Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Việc mốc thời gian dựa trên cơ sở thời điểm công bố số liệu của cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ. (2) Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Thực hiện theo tiêu chí được UBTVQH quyết định Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14. (3) Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Thực hiện theo tiêu chí được UBTVQH quyết định Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.

STT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Quảng Trị	(1) Chỉ chọn 1 trong 2 tiêu chí: Tiêu chí thu nội địa hoặc tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách Trung ương. Lý do: 02 tiêu chí nêu trên có ý nghĩa tương đương nhau, các tỉnh thu nội địa cao thì đồng thời tỷ lệ điều tiết về ngân sách Trung ương cao. Do đó, nếu lấy cả 2 tiêu chí này để tính điểm thì sẽ có lợi cho các địa phương có số thu nội địa cao mà đây thường là các địa phương đã chủ động được nguồn vốn đầu tư từ nguồn cân đối của địa phương; (2) Tiêu chí bổ sung: Cho phép các tỉnh có thể bổ sung thêm một số tiêu chí tính điểm phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương khi xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN của tỉnh trông giai đoạn 2021-2025 trình HĐND tỉnh quyết định để tổ chức thực hiện	(1) Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Thực hiện theo tiêu chí được UBTVQH quyết định Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.. (2) Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Theo quy định tại Điều 30 Luật NSNN, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương
	Đắk Nông	đề nghị xem xét nâng điểm phân bổ trong nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025 đối với các tiêu chí mang tính chất đặc thù như: tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo, tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng, tiêu chí người dân tộc thiểu số, tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện miền núi, biên giới đất liền... để địa phương có thêm nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: số điểm của các tiêu chí đã xem xét tất cả các tiêu chí như tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ dân tộc thiểu số…để đảm bảo công bằng giữa các địa phương.
	Điểm của tiêu chí dân số trung bình		
	Lai Châu	Trên 2.000.000, cứ tăng thêm 100.000 người được tính thêm 0,5 điểm	Bộ KH&ĐT đã tiếp thu
	Nghệ An	Trên 2.000.000, cứ tăng thêm 100.000 người được tính thêm 0,5 điểm	Bộ KH&ĐT đã tiếp thu
	Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số		
	Lai Châu	Điểm số của tiêu chí này trong dự thảo còn thấp (cứ 100.000 người dân tộc thiểu số được 0,5 điểm). Giảm mạnh so với điểm số của tiêu chí này tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 v/v ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 (cứ 100.000 người dân tộc thiểu số được 4 điểm). Đề nghị xem xét nâng điểm của tiêu chí này lên theo hướng: cứ 100.000 người dân tộc thiểu số được 5 điểm. Lý do: Đồng bào dân tộc thiểu đa phần sống ở vùng miền núi biên giới đặc biệt khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, giao thông đi lại khó khăn, suất đầu tư lớn nên việc ưu tiên cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn đảm bảo theo đúng Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: số điểm của các tiêu chí đã xem xét tất cả các tiêu chí như tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ dân tộc thiểu số…để đảm bảo công bằng giữa các địa phương. Bên cạnh đó trong giai đoạn tới đồng bào dân tộc thiểu số sẽ được nhận bổ sung vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.
	Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo		

STT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Gia Lai	Đề nghị *"cứ 5% được tính 01 điểm, từ 5%-10% cứ tăng 2% được 0,5 điểm"*. Lý do: Theo Quyết định số 1052/QĐ-BLĐTB&XH ngày 29/7/2019 về công bố tỷ lệ hộ nghèo năm 2018 thì nếu tính 10% hộ nghèo thì chỉ có 15/63 địa phương được tính 01 điểm. Năm 2019 tỷ lệ hộ nghèo sẽ tiếp tục giảm do vậy các địa phương được tính điểm hỗ trợ còn khoảng 10/63 địa phương.	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: số điểm của các tiêu chí đã xem xét tất cả các tiêu chí như tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ dân tộc thiểu số…để đảm bảo công bằng giữa các địa phương.
	Kon Tum	Đề nghị "Địa phương có tỷ lệ hộ nghèo từ 5 đến dưới 10% hộ nghèo được 1 điểm; Địa phương từ 10% hộ nghèo trở lên được 2 điểm"	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: số điểm của các tiêu chí đã xem xét tất cả các tiêu chí như tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ dân tộc thiểu số…để đảm bảo công bằng giữa các địa phương.
	Lai Châu	Đề nghị "Địa phương có tỷ lệ hộ nghèo đến 10% được được 5 điểm; Địa phương có tỷ lệ hộ nghèo trên 10% đến 15% được tính thêm 2 điểm; Địa phương có tỷ lệ hộ nghèo trên 15% cứ tăng thêm 5% được tính thêm 1 điểm"	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: số điểm của các tiêu chí đã xem xét tất cả các tiêu chí như tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ dân tộc thiểu số…để đảm bảo công bằng giữa các địa phương.
	Nghệ An	Dự kiến tỷ lệ hộ nghèo bình quân cả nước năm 2019 là 4%, do đó lấy mốc cứ 10% hộ nghèo được: 1 điểm, chưa thực sự phù hợp. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng trong cơ sở tính điểm nên cần quy định rõ ràng hơn, đề nghị lấy mốc bình quân năm 4% (từ 4%-10% được 1 điểm, trên 10% được 2 điểm).	Bộ KH&ĐT đã tiếp thu
	Điểm của tiêu chí số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết)		
	Hà Tĩnh	Đề nghị xem xét lại cách tính điểm đối với tiêu chí số thu nội địa theo hướng: các địa phương có số thu nhỏ hơn sẽ được hưởng số điểm tiêu chí lớn hơn; nhằm ưu tiên nguồn vốn NSTW để hỗ trợ các địa phương khó khăn hơn có điều kiện để phát triển cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư và phát triển kinh tế. Các địa phương có số thu ngân sách lớn, sẽ chủ động hơn trong việc đầu tư phát triển từ từ nguồn cân đối ngân sách địa phương của mình.	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Đây là tiêu chí ưu tiên theo NQ 973 nhằm khuyến khích các địa phương có số thu lớn tạo động lực phát triển kinh tế cả nước. Những địa phương khó khăn, không tự cân đối, ngoài phần vốn TW bổ sung có mục tiêu còn được nhận bổ sung cân đối.
	Điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương		
	Điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi ngân sách địa phương		
	Điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên		
	Nghệ An	Theo Dự thảo, trên 10.000 km2, cứ 1.000 km2 tăng thêm được tính thêm 0,5 điểm, như vậy là hơi thấp. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, cân đối tăng thêm điểm cho khung diện tích này như sau: trên 10.000 km2, cứ 1.000 km2 tăng thêm được tính thêm 1 điểm).	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: số điểm của các tiêu chí đã xem xét tất cả các tiêu chí để đảm bảo công bằng giữa các địa phương.
	Điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương		

STT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Gia Lai	(1) tỷ lệ che phủ rừng đề nghị lấy theo kết quả công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2019 tại Quyết định 1423/QĐ-BNN-TCLN ngày 15/4/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; (2) Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng đến 10% được tính 01 điểm, từ 10% trở lên cứ tăng 5% được tính 0,5 điểm.	(1) Bộ KH&ĐT đã tiếp thu (2) Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Việc xác định số điểm của từng tiêu chí phải xem xét trong tổng thể bộ tiêu chi để bảo đảm công bằng, tương quan hợp lý giữa các địa phương.
	Lai Châu	Đề nghị "Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng đến 10% được 1 điểm; Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 10% đến 50% được 2 điểm; Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 50% trở lên được 4 điểm"	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: việc xác định số điểm của từng tiêu chí phải xem xét trong tổng thể bộ tiêu chi để bảo đảm công bằng, tương quan hợp lý giữa các địa phương.
	Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện		
	Lai Châu	Mỗi huyện được tính 01 điểm	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: việc xác định số điểm của từng tiêu chí phải xem xét trong tổng thể bộ tiêu chi để bảo đảm công bằng, tương quan hợp lý giữa các địa phương.
	Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện miền núi		
	Sơn La	Mỗi huyện được tính 01 điểm	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: việc xác định số điểm của từng tiêu chí phải xem xét trong tổng thể bộ tiêu chi để bảo đảm công bằng, tương quan hợp lý giữa các địa phương.
	Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện vùng cao, hải đảo		
	Sơn La	Mỗi huyện được tính 01 điểm	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: việc xác định số điểm của từng tiêu chí phải xem xét trong tổng thể bộ tiêu chi để bảo đảm công bằng, tương quan hợp lý giữa các địa phương.
	Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện biên giới đất liền		
	Gia Lai	Giai đoạn 2016-2020 được tính 01 điểm; theo dự thảo tính 0,2 điểm. Để thực hiện được nguyên tắc ưu tiên bố trí vốn cho các vùng miền núi, biên giới đề nghị tính 1 điểm	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Giai đoạn 2016-2020 việc tính điểm để xác định vốn bổ sung cân đối cho địa phương.
	Sơn La	Mỗi huyện được tính 01 điểm	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: việc xác định số điểm của từng tiêu chí phải xem xét trong tổng thể bộ tiêu chi để bảo đảm công bằng, tương quan hợp lý giữa các địa phương.
	Điểm của tiêu chí xã đảo		
	Kon Tum	01 xã đảo được 0,5 điểm	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: việc xác định số điểm của từng tiêu chí phải xem xét trong tổng thể bộ tiêu chi để bảo đảm công bằng, tương quan hợp lý giữa các địa phương.
	Điểm của tiêu chí xã biên giới đất liền (Việt Nam - Trung Quốc Việt Nam - Lào, Việt Nam - Cămpuchia)		

STT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Gia Lai	Giai đoạn 2016-2020 được tính 0,3 điểm; theo dự thảo tính 0,1 điểm. Để thực hiện được nguyên tắc ưu tiên bố trí vốn cho các vùng miền núi, biên giới đề nghị tính 0,3 điểm	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Giai đoạn 2016-2020 việc tính điểm để xác định vốn bổ sung cân đối cho địa phương.
	Kon Tum	01 xã biên giới đất liền (Việt Nam - Trung Quốc Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia) được 0,5 điểm	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: việc xác định số điểm của từng tiêu chí phải xem xét trong tổng thể bộ tiêu chi để bảo đảm công bằng, tương quan hợp lý giữa các địa phương.
	Lai Châu	01 xã biên giới đất liền (Việt Nam - Trung Quốc Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia) được 0,3 điểm	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: việc xác định số điểm của từng tiêu chí phải xem xét trong tổng thể bộ tiêu chi để bảo đảm công bằng, tương quan hợp lý giữa các địa phương.
	Sơn La	01 xã biên giới đất liền (Việt Nam - Trung Quốc Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia) được 1 điểm	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: việc xác định số điểm của từng tiêu chí phải xem xét trong tổng thể bộ tiêu chi để bảo đảm công bằng, tương quan hợp lý giữa các địa phương.
	Điểm của tiêu chí xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến (ATK lịch sử)		
	Kon Tum	01 xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến được 0,5 điểm	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: việc xác định số điểm của từng tiêu chí phải xem xét trong tổng thể bộ tiêu chi để bảo đảm công bằng, tương quan hợp lý giữa các địa phương.
	Sơn La	01 xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến được 1 điểm	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: việc xác định số điểm của từng tiêu chí phải xem xét trong tổng thể bộ tiêu chi để bảo đảm công bằng, tương quan hợp lý giữa các địa phương.
	Điểm của tiêu chí vùng		
	Kon Tum	Địa phương thuộc Vùng Miền núi phía Bắc, Địa phương thuộc Vùng Tây Nguyên được 20 điểm; Địa phương thuộc Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Địa phương thuộc Vùng Đồng bằng sông Hồng được 2 điểm; Địa phương thuộc Vùng Đông Nam Bộ được 3 điểm.	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: việc xác định số điểm của từng tiêu chí phải xem xét trong tổng thể bộ tiêu chi để bảo đảm công bằng, tương quan hợp lý giữa các địa phương.
	Lai Châu	Địa phương thuộc vùng miền núi phía Bắc được 50 điểm	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: việc xác định số điểm của từng tiêu chí phải xem xét trong tổng thể bộ tiêu chi để bảo đảm công bằng, tương quan hợp lý giữa các địa phương.
	Sơn La	Địa phương thuộc Vùng Miền núi phía Bắc, Địa phương thuộc Vùng Tây Nguyên được 30 điểm	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: việc xác định số điểm của từng tiêu chí phải xem xét trong tổng thể bộ tiêu chi để bảo đảm công bằng, tương quan hợp lý giữa các địa phương.
4	**Khoản 4. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ**		

STT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Bình Phước	"- Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện biên giới đất liền tỉnh thứ i là vi. - Tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính tỉnh thứ i sẽ là Di = si + ti + ui +ni" Đề nghị sửa lại: Di = si + ti + ui + vi	Bộ KH&ĐT đã tiếp thu
VI	**MỤC VI. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**		
VII	**MỤC VII. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**		
	Hà Tĩnh	Đề nghị có hướng dẫn cụ thể trong việc xác định các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương để có nguyên tắc, tiêu chí phân bổ phù hợp cũng như làm căn cứ để xây dựng và phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn; do ngoài nguồn vốn đầu tư trong cân đối NSĐP (được Trung ương giao chỉ tiêu), quá trình triển khai thực tế còn một số nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương như các nguồn: *tăng thu, tiết kiệm chi, nguồn sự nghiệp có tính chất đầu tư,... chưa có căn cứ pháp lý rõ ràng để thực hiện quản lý và sử dụng theo quy định của Luật Đầu tư công.*	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách không có khái niệm về nguồn sự nghiệp có tính chất đầu tư. Đối với nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thực hiện theo quy định tại Điều 59 Luật NSNN.
1	**Khoản 1**		
	Hà Tĩnh	Ở các địa phương, ngoài việc cân đối, phát triển theo ngành, lĩnh vực còn có các nhiệm vụ hỗ trợ đầu tư phát triển cho các địa phương thuộc tỉnh. Do vậy việc quy định *"Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực"* tại điểm 1, Mục VII dự thảo Quyết định sẽ gây khó khăn trong việc cân đối, phân bổ nguồn lực cho các địa phương (cấp huyện) của các tỉnh. Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, điều chỉnh phù hợp	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Việc phân bổ vốn cho dự án theo ngành, lĩnh vực đã được quy định tại Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.
2	**Khoản 2**		
	Bắc Ninh	trong nội dung quy định đề nghị bổ sung thêm *"Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021...., đảm bảo tối thiểu không thấp hơn dự toán năm 2020 do Quốc hội quyết định cộng với mức tăng trưởng tương ứng với tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn"*	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Việc xây dựng Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021 phải căn cứ vào tình hình thực hiện 2020. Trong bối cảnh hiện nay, dịch covid-19 tác động rất lớn đến số thu NSNN, do vậy chưa có cơ sở để khẳng định kế hoạch 2021 phải cao hơn kế hoạch 2020.

STT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Tuyên Quang	đề xuất cơ quan soạn thảo quy định nguyên tắc số bổ sung cân đối vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021 (do không quy định tiêu chí định mức phân bổ vốn đầu tư trong cân đối) từ ngân sách trung ương cho các địa phương có nguồn thu chủ yếu được bổ sung từ ngân sách trung ương tối thiểu không thấp hơn nguồn vốn đầu tư trong cân đối từ ngân sách trung ương cho địa phương năm 2020 để địa phương có cơ sở xây dựng dự toán năm 2021 báo cáo các Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo đúng quy định	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Việc xây dựng Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021 phải căn cứ vào tình hình thực hiện 2020. Trong bối cảnh hiện nay, dịch covid-19 tác động rất lớn đến số thu NSNN, do vậy chưa có cơ sở để khẳng định kế hoạch 2021 phải cao hơn kế hoạch 2020.
3	**Khoản 3**		
	Ninh Bình	cần nghiên cứu xem xét, luận chứng nội dung *"kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương các năm 2022-2025 được tính tăng 6% so với kế hoạch vốn năm trước được Thủ tướng Chính phủ giao (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết theo báo cáo của các địa phương)"* và đề xuất nghiên cứu sửa đổi theo hướng quy định tỷ lệ giữa tổng kế hoạch đầu tư công hàng năm so với tổng chi ngân sách địa phương hàng năm theo định hướng tăng chi đầu tư phát triển trong tổng chi ngân sách nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: việc quy định tỷ lệ 6% trên cơ sở tốc độ tăng trưởng vốn cân đối ngân sách bình quân giao hằng năm trong giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên, để vốn đầu tư công trong giai đoạn 2021-2025 tăng trưởng cao hơn tạo động lực phát triển kinh tế, Bộ KH&ĐT xin tiếp thu và điều chỉnh tăng tối thiểu 6%
	Bộ Thông tin truyền thông	đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét quy định theo hướng "được tính tăng tối thiểu 6%" thay vì quy định "được tính tăng 6%" như trong dự thảo hiện nay	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: việc quy định tỷ lệ 6% trên cơ sở tốc độ tăng trưởng vốn cân đối ngân sách bình quân giao hằng năm trong giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên, để vốn đầu tư công trong giai đoạn 2021-2025 tăng trưởng cao hơn tạo động lực phát triển kinh tế, Bộ KH&ĐT xin tiếp thu và điều chỉnh tăng tối thiểu 6%
VIII	**MỤC VIII. ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP**		
	Hà Tĩnh	Hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và các tỉnh khác trong cả nước còn một số dự án đã được bố trí một phần vốn NSTW trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đến nay đã bố trí hết hạn mức trung hạn giai đoạn 2016-2020) nhưng vẫn chưa cân đối đủ vốn để hoàn thành, một số dự án đã quá thời hạn bố trí vốn theo quy định. Đề nghị có quy định, hướng dẫn cụ thể trong việc chuyển tiếp các dự án trên sang bố trí vốn NSTW trong giai đoạn 2021-2025 để hoàn thành dự án (bao gồm cả việc gia hạn thời gian bố trí vốn).	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Đề nghị của địa phương đã được thể hiện rõ tại điểm d khoản 1 mục V quy định kèm theo dự thảo Quyết định.
1	**Khoản 1**		

STT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Ý kiến góp ý	Giải trình, tiếp thu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	**Khoản 2**		
3	**Khoản 3**		
IX	**PHỤ LỤC**		
	Bắc Ninh	Đối với các dự án chuyển tiếp thuộc Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng, tỉnh Bắc Ninh còn 02 dự án liên quan đến lĩnh vực giao thông gồm Dự án ĐTXD cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành (cầu vượt sông Đuống nối hai huyện Tiên Du - Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) và Dự án ĐTXD Đường tỉnh lộ 278 (đoạn nối QL18 và QL38), tuy nhiên trong Phần Phụ lục Phân loại ngành, lĩnh vực đối với dự án thuộc các Chương trình mục tiêu của giai đoạn 2016- 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 không có lĩnh vực giao thông, đề nghị Bộ xem xét bổ sung	Bộ KH&ĐT giải trình như sau: Đề nghị đưa vào ngành kinh tế, lĩnh vực giao thông theo các nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp thuộc Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng, các dự án chuyển tiếp sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được sắp xếp tương ứng vào các ngành, lĩnh vực nêu trên phù hợp với tính chất, mục tiêu của các nhiệm vụ, dự án, trong đó: vốn đối ứng của dự án chuyển tiếp sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được sắp xếp theo ngành, lĩnh vực sử dụng vốn nước ngoài của dự án.